

Phẩm thứ chín: QUANG MINH GIÁC

(Đi vào quyển thứ 13 trong kinh)

Giải thích một phẩm này, sơ lược dùng năm môn:

A- Ý ĐƯA RA: Trong này tự có mười ý:

Một: Giải đáp câu hỏi về quả thuộc sở y trước đây, nhưng Cổ đức đối với hai phẩm trước đã giải đáp hai câu hỏi, phẩm này chính thức giải đáp ba câu hỏi, nghĩa là phần trưởng hàng nói về phát ra ánh sáng là giải đáp câu hỏi về uy đức của Phật, nhìn thấy thành tựu Chánh giác là giải đáp câu hỏi về thành tựu Bồ-đề, Văn Thù nói kệ là chính thức giải đáp câu hỏi về pháp tánh của Phật. Nay lại có một cách giải thích: Nghĩa là phần trưởng hàng chỉ hiện tướng để giải đáp, đã nói như trước; trong phần kệ thì giải đáp đầy đủ ba câu hỏi, đó là năm kệ đầu giải đáp về Bồ-đề, một kệ tiếp giải đáp về uy đức, bốn kệ sau giải đáp về pháp tánh.

Hai: Mở rộng về phẩm Danh Hiệu để tổng quát nêu ra nhiều cách, chính thức mở rộng về quán sát đủ loại vốn là ý nghiệp.

Ba: Tức là nói về Thể tánh của Thập Tín, như ba Hội sau muốn nói về phần vị chính thức, đều có kệ ca ngợi. Ở đây tương tự điều ấy.

Bốn: Hiển bày về Thật rộng khắp, nhưng Thật đã nói có hai: Một là Phật, hai là Pháp. Phật có hai: Một là Thân, hai là Danh hiệu. Pháp cũng có hai: Một là Quyền, hai là Thật. Trước chỉ nói đến Danh hiệu của Phật rộng khắp, ở đây hiển bày về Thân rộng khắp. Phẩm Tứ Đế là Quyền rộng khắp ngay nơi Thật, phẩm này hiển bày về Thật rộng khắp ngay nơi Quyền.

Năm: Hiện rõ ứng nghiệm, hai phẩm trước nói rộng khắp mà chúng chưa nhìn thấy, nay ánh sáng nêu rõ về tướng rộng khắp.

Sáu: Hiển bày về toàn bộ rộng khắp, trước chỉ là riêng biệt rộng khắp về tên gọi của Đế, nay trong một Hội này tức là rộng khắp pháp giới, bởi vì mỗi một loại thấy đều cùng thời gian-cùng nơi chốn-cùng chúng hội-cùng thuyết giảng-cùng rộng khắp.

Bảy: Hiển bày về rộng khắp tròn vẹn, nghĩa là trước hiển bày về sai biệt, tất cả các phương có thể rộng khắp tất cả; nay hiển bày về không có sai biệt, tất cả tức là viên dung rộng khắp tất cả.

Tám: Làm quy phạm cho phần sau của kinh, nghĩa là phần sau kết luận về kinh nổi thông nói: Rộng khắp tất cả, là đều như ở đây phân rõ theo Viên giáo thuộc Nhất thừa của Như Lai, bởi vì đối với một loại thế giới như núi Tu-di..., phạm vi giới hạn thi thiết giáo hóa đều như vậy.

Chín: Nêu rõ tướng thân thông trước đây, phẩm trước nói là hiện bày thân thông, hiện bày như thế nào? Bởi vì không rời khỏi một Hội mà hiện rõ khắp nơi pháp giới.

Mười: Hiện bày về Lý-Sự đều không có gì chướng ngại, khiến cho rời bỏ chấp trước mà thuận theo pháp. Ý này tuy nối thông mà ở văn thì hiện bày rộng khắp.

Bởi vì có những nghĩa trên đây, cho nên đưa ra phẩm này.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Một-Tách ra; hai-Hợp lại.

Một: Tách ra để giải thích: Quang Minh là Thể, Giác là Dụng. Hai phần này đều có hai, nghĩa là Quang có Thân quang-Trí quang, Giác có Giác tri-Giác ngộ. Vả lại, Quang có Năng chiếu-Sở chiếu, Giác có Năng giác-Sở giác. Như Lai phát ra ánh sáng của Thân soi chiếu về Sự pháp giới, khiến cho Bồ-tát tổ ngộ thấy biết Sự vô ngại; Văn Thù phát triển ánh sáng của Trí cùng soi chiếu Sự-Lý, khiến cho Đại chúng giác ngộ về tánh-tướng của pháp.

Hai: Hợp lại để giải thích: Bởi vì Sự-Lý cùng dung thông chỉ là một cảnh vô ngại, cho nên đạt được một Sự ngay nơi rộng khắp vô biên, mà không làm hỏng tướng ban đầu; Thân-Trí không hai, vốn chỉ là một ánh sáng vô ngại.

Trong phần Lưu Ly Quang Bồ-tát ở kinh Niết Bàn nói: “Quang minh, gọi là trí tuệ. Nhận biết và tổ ngộ không khác nhau, chỉ là một tâm giác ngộ bình đẳng, bởi vì nhận biết không có Sự nào không phải Lý. Lại hai ánh sáng này không khác với cảnh của Giác, ba loại này viên dung chỉ là một pháp giới vô ngại, tuy bình đẳng không còn tướng mà không làm hỏng tánh Giác của Quang minh.” Trong phẩm phân rõ về điều này cho nên lấy làm tên gọi. Nếu thuận theo tách ra để giải thích, thì Giác thuộc về Quang Minh, Quang Minh có Dụng của Giác, bao gồm Y chủ thích và Hữu tài thích. Nếu thuận theo hợp lại mà nói, thì Quang Minh tức là Giác, có thể là Trì nghiệp thích.

C- TÔNG THỨ: Dùng Thân quang-Trí quang vô ngại để giác ngộ làm Tông, khiến cho chúng sinh phát sinh niềm tin làm Thứ. Lại giải thích tên gọi đều là Tông của phẩm, ý đưa ra đều là Thứ của ý.

D- GIẢI TRỪ NGHI NGỜ GÂY TRỞ NGẠI

Hỏi: Ánh sáng nơi tướng vòng tròn dưới bàn chân ở đây lúc nào phát ra? Nếu nói về tên gọi của Đế thì ý như thế nào? Số lượng về chúng Bồ-tát trong quốc độ Phật đều giống với phẩm Danh Hiệu, như trước đã phát ra thì trước đây sao không nói? Đáp: Là phát ra ở phẩm Danh Hiệu trước đây, nhưng hai phẩm trước trình bày về Văn Thù thuyết pháp ở

Hội này, cho nên không đợi ánh sáng soi chiếu. Nay phân rõ về thuyết giảng trong một trăm ức quốc độ, cho đến rộng khắp pháp giới, vì vậy cần phải có ánh sáng để hiển thị về những Bồ-tát đã đến, tức là Bồ-tát trước đây, cho nên đều hoàn toàn giống nhau.

Tiếp theo có người nghi ngờ rằng: Ánh sáng soi chiếu một trăm ức quốc độ, một trăm ức quốc độ sao không soi chiếu? Ở đây giải thích rằng: Bởi vì quốc độ này làm chủ, nếu quốc độ kia làm chủ thì nói là quốc độ ấy soi chiếu.

Lại nghi ngờ rằng: Ánh sáng phía dưới đã cùng tận pháp giới, sắc vàng rờng lại ở nơi nào trong quốc độ ấy? Quốc độ ấy có nơi chốn của Hội này, đều vốn là chủ-bạn rộng khắp cách nhau mười quốc độ.

E- GIẢI THÍCH VĂN: Toàn bộ phân làm hai: Một: Như Lai phát ra ánh sáng; Hai: Từ “Chiếu thử...” trở xuống là phạm vi giới hạn của ánh sáng tỏa đến.

Phần một: phát ra từ dưới bàn chân, biểu thị cho bốn nghĩa về Tín: 1- Từ phía dưới mà lên phía trên, bởi vì Tín là đầu tiên. 2- Bởi vì nhỏ bé nhất. 3- Bởi vì làm căn bản của hành, Trí Luận quyển thứ 9 nói: “Phát ra ánh sáng từ dưới bàn chân, là thân có được chỗ đứng đều nhờ vào chân.” 4- Hiển bày về Tín bao gồm quả hải vốn đã đầy đủ. Nghĩa về Luân cũng như vậy, bởi vì tròn vẹn không thiếu sót. Nói trăm ức ánh sáng, bởi vì quốc độ đã soi chiếu rộng khắp pháp giới đều là một trăm ức.

Phần hai: phạm vi giới hạn của ánh sáng tỏa đến. Trong này, ánh sáng soi chiếu với số lớn dựa theo văn hiện có, tạm thời có hai mươi sáu tiết: Chín tiết đầu là riêng biệt về tên gọi; mười bảy tiết sau là cùng nhau phân rõ, tức là mười đoạn.

Nếu dựa vào Thật nghĩa thì phải có số tiết vô tận giống như pháp giới, từng tiết một đều có kệ, kinh bản Trung-bản Thượng nhất định phải nói rộng ra. Nhưng không phải nhiều lần phát ra ánh sáng, cũng không phải một lần phát ra ánh sáng. Thứ tự soi chiếu ở nhiều tiết chỉ là một lần phát ra ánh sáng, trong một lúc lập tức soi chiếu tất cả hư không thế giới, chỉ vì ngôn từ không cùng làm sáng tỏ mà nói có trước-sau. Tùy theo tâm của căn cơ mà hiện rõ, từng tiết một đều nhìn thấy, thì ánh sáng của Như Lai theo từng tiết một mà soi chiếu. Nay Văn Thù theo từng tiết một mà đến, cho đến pháp giới đều nhìn thấy cũng như vậy. Ở nơi Phật-Văn Thù từng tiết một đều rộng khắp, như vầng trăng soi chiếu tất cả trăm sông đều nhìn thấy. Như pháp giới, căn cơ lập tức nhìn thấy. Từ trước đến nay, các loại đã nhìn thấy ở Hội thuộc Tín đã

như vậy, Hội thuộc Trú-Hạnh... cùng rộng khắp cũng như vậy.

Trong mười đoạn, văn đều có hai: Phần trường hàng và kệ tụng. Phần trường hàng, Phật dùng ánh sáng của Thân soi chiếu cảnh hiện rõ sự việc, khiến cho Đại chúng nhìn thấy. Phần kệ tụng, Văn Thù dùng ánh sáng của Trí ca ngợi nói rõ Sự-Lý, khiến cho đại chúng tỏ ngộ tiến vào.

Mười đoạn dựa vào văn giải đáp có ba:

Phần một: Năm đoạn giải đáp về Bồ-đề, tức là phân làm năm: 1- Tổng quát hiển bày về Bồ-đề vượt lên trên tình thức; 2- Bao gồm hiển bày về nhân quả của Bồ-đề; 3- Hiển bày về tám tướng của Bồ-đề; 4- Hiển bày về Thể tánh của Bồ-đề; 5- Hiển bày về nhân của Bồ-đề.

Đoạn 1: Trong phần trường hàng có hai: a- Soi chiếu nhiệm-tĩnh ở thế giới này; b- Từ “Như thử xứ...” trở xuống là hiện rõ về tướng Pháp hội của mình rộng khắp mọi nơi.

Trong phần a, có ba: Một: Tổng quát nêu ra phạm vi giới hạn; hai: Từ “Bách ức Diêm-phù...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về đã soi chiếu; ba: Từ “Kỳ trung...” trở xuống là tương tự kết luận hiển bày rõ ràng.

Mục một, nói về Tam Thiên Đại Thiên, luận Câu Xá nói: “Bốn đại châu, mặt trời-mặt trăng, Tô-mê-lô, trời cõi Dục, cõi Phạm Thế, tất cả là một ngàn, gọi là một Tiểu thiên thế giới. Một ngàn lần Tiểu thiên thế giới này thì gọi là một Trung thiên thế giới. Một ngàn lần Trung thiên thế giới thì gọi là một Đại thiên thế giới. Đều cùng một chu kỳ Thành-Hoại. Phạm Thế tức là Sơ thiên, cho nên nói là cùng một chu kỳ Thành-Hoại.” Bởi vì nhân lên ba lần cho nên nói là Tam Thiên. Lược qua Tiểu thiên-Trung thiên, chỉ nêu ra lớp cuối cùng, cho nên nói là Đại thiên. Kinh Trường A Hàm quyển thứ 18, kinh Tạp A Hàm quyển thứ 16, luận Chánh Lý quyển thứ 31, và luận Du Già-Trí Luận-Tạp Tập-Hiện Dương, cũng không khác ở đây.

Có người nói rằng: Nhưng luận Hiện Dương quyển thứ 1 trình bày về Tam thiên thế giới do ba Tai mà hủy hoại, cho nên biết Sơ thiên là Tiểu thiên, Nhị thiên là Trung thiên, Tam thiên là Đại thiên. Nếu kinh Kim Quang Minh thẳng đến cõi Phi Tưởng, đều nói là một trăm ức, thì ý thuộc về tất cả các cõi Trời. Vì vậy trong văn kinh này, chỉ đến đỉnh của cõi Sắc, bởi vì dựa theo cõi Vô sắc vốn không có nơi chốn. Nay dựa vào hai kinh.

Trong mục hai là hiển bày riêng về đã soi chiếu: 1: Hiện rõ trong cõi người; 2: Hiện rõ tám tướng; 3: Hiện rõ các cõi trời.

Trong mục 1, Diêm-phù-đề thì cách dịch mới gọi là Thiệm Bộ, luận Câu Xá nói: “Bên bờ hồ A-nậu-đạt có cây tên gọi Thiệm Bộ, nhân đó lấy làm tên gọi của Châu.” ĐỀ, Trung Hoa nói là Châu. Đông Phát-bà-đề, Trung Hoa nói là Thắng Thân, bởi vì thân tướng hơn hẳn Châu khác. Tây Cù-da-ni, Trung Hoa nói là Ngư Hóa, bởi vì dùng trâu bò làm hàng hóa để trao đổi. Bắc Uất-đơn-việt, Trung Hoa nói là Thắng Sinh, bởi vì thọ mạng nhất định là một ngàn tuổi, ăn mặc đều tự nhiên. Biển rộng, tức là ở ngoài Diêm hải. Một trăm ức vây tròn xung quanh, bởi vì một thế giới hệ (Tứ thiên hạ) là một Tiểu Thiết Vi, Trung thì có một ngàn, Đại thì chỉ có một. Đều nói là một trăm ức, phép tính toán của Hoàng Đế ở phương này thì số có ba bậc, đó là Thượng-Trung-Hạ, số bậc Hạ thì phép tính theo mười lần mười mà thay đổi, bậc Trung thì tính theo trăm lần trăm mà thay đổi, bậc Thượng thì tính theo gấp bội lần gấp bội mà thay đổi. Nay Tam thiên ở đây, nếu dùng số bậc Tiểu mà tính thì có vạn ức. Nay dựa theo số bậc Trung, từ một ngàn trở lên trăm lần trăm mà thay đổi, thì có một trăm ức. Vì vậy Đường Tam Tạng dịch là một trăm ức Câu-chi, Thâm Mật Ký quyển thứ 6 của Trắc Công nói: “Câu-chi tương truyền giải thích có ba loại: Một là mười vạn, hai là trăm vạn, ba là ngàn vạn.” Vì vậy Tam thiên dùng số Câu-chi, hoặc đến số trăm, hoặc đến số ngàn, hoặc đến số trăm ngàn, Đường Tam Tạng dịch là ngàn vạn, cho nên đến số trăm. Lại dựa vào luận Câu Xá giải thích Lạc-xoa là ức, ở đây dịch Câu-chi là ức, văn sau nói ánh sáng soi chiếu một ức-mười ức..., bản tiếng Phạn đều nói là Câu-chi, bởi vì toàn bộ do số của Câu-chi không giống nhau.

Trong mục 2 là hiện rõ tám tướng, vẫn có năm tướng, Thọ sinh hàm chứa ba tướng. Sau khi Phật thành đạo mới phát ra ánh sáng, trở lại hiện tướng Sơ sinh và sau là Niết bàn, bởi vì dựa theo môn Vi tế dung thông ba đời; cũng không phải chủ động soi chiếu là Báo thân, thụ động soi chiếu là Hóa thân, bởi vì thân phát ra ánh sáng ở nước Ma-kiệt. Kinh này dung thông Báo thân-Hóa thân, cho nên các Đại Bồ-tát ở nơi Hóa thân nhìn thấy Báo thân, căn cơ thuộc phần vị dưới ở nơi Báo thân nhìn thấy Hóa thân, vì vậy hai thân không đồng thời. Chủ động soi chiếu-thụ động soi chiếu, chỉ là một Phật, hiển bày về tự tại của Phật vốn vượt lên trên nghĩ bàn.

Trong mục 3 từ “Bách ức Tu-di...” trở xuống là hiện rõ các cõi trời, nêu ra núi Tu-di vốn là chỗ dựa của hai cõi Trời.

Mục ba từ “Kỳ trung sở hữu...” trở xuống là tương tự kết luận hiển bày rõ ràng.

Trong phần b là hiện rõ về Pháp hội của mình, có hai: Một: Hiện rõ Hội căn bản, đây là một Hội rộng khắp tất cả mọi nơi, không phải là nhiều nơi có Hội khác nhau, cho đến pháp giới cũng rộng khắp như vậy. Pháp viên dung này không phải cảnh giới của tư duy. Hai: Từ “Tất cả Phật thân lực...” trở xuống là hiện rõ chúng mới vận tập, nói thân lực của Phật, cũng chính là trước đây đều tùy theo chủng loại mà hiện bày thân thông. Văn có bốn đoạn, đó là tổng quát hiển bày, nêu ra tên gọi, tên gọi của quốc độ, danh hiệu của Phật, đều giống như trong phẩm Danh Hiệu, chỉ thêm một trăm ức là khác nhau mà thôi.

Văn kệ tụng phân hai: Trước là làm sáng tỏ về người thuyết giảng; sau là hiển bày về lời kệ.

Trong phần trước, nói Văn Thù ở tất cả mọi nơi, sơ lược nói rõ ba nghĩa: Một: Dựa theo ngay tiết ấy, như trong tiết một, trước một trăm ức Đức Phật có một trăm ức Văn Thù, là tất cả. Tất cả đều nói kệ ngay nơi tiết ấy, cho nên văn đều nói: Tất cả ở nơi trú xứ Phật. Hai: Một Văn Thù đến từ một nơi ở phương Đông, tức là đến từ tất cả mọi nơi ở phương Đông. Đến một pháp hội, tức là đến tất cả pháp hội. Tuy đến từ phương Đông mà tức là tất cả mọi nơi, bởi vì thân pháp giới này tức là Dụng của Thể. Ba: Dựa theo pháp biểu hiện, Văn Thù chính là Diệu Dụng của Trí bất động, tiếp xúc cảnh thì hiểu rõ, sáu căn-ba nghiệp đều là Văn Thù. Thể của Thật tướng rộng khắp, tất cả mọi nơi đều là Bát-nhã, có một nơi nào không phải là Văn Thù? Trong chín tiết sau đều có hai đoạn, dựa theo đây có thể biết.

Phần sau là chính thức hiển bày về lời kệ. Nhưng giải thích về phần kệ này có tổng quát-có riêng biệt. Tổng quát thì ở đây trình bày về Bồ-đề vượt lên trên tình thức. Riêng biệt là hiển bày về sự việc đã nhìn thấy trong ánh sáng trước đây, trong đó lại có hai: Một: Dựa theo Cảnh, nghĩa là dung thông về Sự đã soi chiếu trước đây, hiển bày về Lý của pháp. Hai: Dựa theo Quán, nghĩa là khiến cho Đại chúng bật dứt các kiến chấp, đối với Sự đã soi chiếu không phát sinh chấp thủ. Nhưng Quán giúp đỡ Lý mà thành tựu, Lý nhờ vào Quán mà hiển bày. Giải thích một cách tổng quát, tức là trình bày về Bồ-đề vượt lên trên tình thức.

Toàn bộ phân làm hai: Một kệ đầu là hiển bày ngược lại, chín kệ còn lại là giải thích thuận theo.

Một kệ đầu là ngược lại hiển bày về sai lầm do trái với lý, nghĩa là Thể đức của Bồ-đề siêu tuyệt tất cả. Luận Phật Địa trình bày Phật không phải là hữu lậu-không phải là vô lậu, cũng thuận theo thế gian

không phải là vướng mắc-không phải là không có vướng mắc. Nay chính là thấy Phật, bên trong lia xa các lậu, bên ngoài không đắm theo thế gian, thì có lậu có thể lia xa, có thế gian không đắm trước. Lấy-bỏ chưa mất thì cái thấy này trái với Lý, cho nên không phải là Đạo nhãn. Chứng được Đạo nhãn, bởi vì không có phân biệt.

Chín kệ còn lại là thuận theo hiển bày về lợi ích do thấy rõ lý, đều là ba câu trước nói về tướng của Quán, một câu sau nói về lợi ích của Quán. Trong đó, chín kệ đều là một nghĩa. Tạm thời phân làm bốn: Một-Có sáu kệ nói về quán Phật; hai-Có một kệ nói về hướng đến mong cầu; ba-Có một kệ nói về quán sát chúng sinh; bốn-Có một kệ nói về hiểu rõ pháp.

Trong phần một có sáu kệ:

Kệ một: Chính thức hiển bày về tánh Bồ-đề của Phật xưa nay tự nhiên Không, phù hợp với điều này mà nhận biết thì không có sai lầm trước đây. Thế gọi là Chân tánh, Tướng gọi là Đức tướng, đều là tánh không hề có gì thì cuối cùng lia xa cái gì? Vốn không có đắm trước thì cái gì là không có đắm trước? Nhận biết như vậy gọi là Chánh giải, tu tập rõ ràng thì đây là Chánh hạnh. Một câu sau nói về lợi ích của Quán: Nói mau chóng làm Phật là dựa theo môn của Văn Thù thì tình không còn-lý hiện bày, tức là trình bày về làm Phật; dựa theo môn của Phổ Hiền thì Tín cuối cùng thu nhận tròn vẹn; dựa theo môn Hành bố(trước sau theo thứ tự) mà nói thì không thấy lý này, thành Phật chưa đến kỳ hạn thì nơi khác đều dựa theo đây.

Kệ hai: Y-Chánh bình đẳng, bởi vì quán về tánh Bồ-đề của Phật thì Y-Chánh không hai, cũng hiển bày về nơi chốn mà ánh sáng đã soi chiếu để trình bày về lia xa cái thấy, nghĩa là nửa kệ trước đối với thế giới đã nhìn thấy trước đây, khiến cho lia xa vọng động, bởi vì nhận biết pháp giới chân thật không thuận theo lay động. Câu tiếp là ví dụ tám tướng trước đây, thân Phật cũng giống nhau, bình đẳng không lay động mà hiểu rõ, cho nên thành tựu về Trí thù thắng.

Kệ ba: Quán về Phật-Pháp bình đẳng, bởi vì hiểu rõ Thế giống nhau, hai niệm lẽ nào phát sinh, một niệm cũng không tồn tại, đạt được quả khó nghĩ bàn.

Kệ bốn: Quán về Phật-chúng sinh bình đẳng, nói về thân tức là chúng sinh, bởi vì trong bản tiếng Phạn nói: “Phật và Ngã.” Ngã tức là thân của người thực hành xứng với lý rộng khắp, nói là bình đẳng trí, bình đẳng thì không có chủ thể-khách thể, cho nên nói là Vô trí. Ngã tức là pháp tánh, lại không chứng thực tiến vào, bởi vì pháp tánh là vô

tánh, thì còn tiến vào nơi nào? Nhận biết như vậy thì nhiều đời vốn khó gặp. Phần Văn Thù trong kinh Bát Nhã nói: “Nếu nhận biết tánh của Ngã thì nhận biết không có pháp. Nếu nhận biết không có pháp thì không có cảnh giới. Nếu không có cảnh giới thì không có gì nương tựa. Nếu không có gì nương tựa thì không có gì an trú.” Vả lại, Hội căn bản tức là an trú mà không có gì an trú, mới vân tập thì tiến vào mà không có gì tiến vào.

Hỏi: Nếu như đều bình đẳng, thì vì sao phân biệt có Tam Bảo? Trí Luận đáp rằng: “Bình đẳng tức là Tam Bảo, nghĩa là bình đẳng chính là Pháp Bảo, Pháp Bảo tức là Phật, bởi vì chưa đạt được Pháp cho nên không gọi là Phật, đạt được Pháp bình đẳng, phân biệt có Tu-bồ-đề...”

Kệ năm: Thông suốt về bình đẳng, nghĩa là Chủ-Bạn, Y-Chánh trên đây không tách rời năm uẩn, năm uẩn tánh Không tức là bình đẳng, có tướng sai biệt tổng quát gọi là Trí (số), tức là giống với Vô vi bởi vì không phải là pháp thuộc về Trí (số pháp), lìa xa Trí-vượt lên trên thế gian mà thành tựu về quả Tịch Tĩnh.

Kệ sáu: Lướt qua xuất thế trước đây, nghĩa là chân thật xuất thế, thì hiểu biết siêu việt, vào ra không ngăn ngại, cho nên thành tựu ánh sáng rực rỡ.

Lại nữa, kệ ba trên đây nói về Phật tức là Pháp, kệ bốn nói về Pháp tức là Chúng, kệ năm trình bày về Tam Bảo đều là tướng Vô vi, kệ sáu này thì sánh bằng hư không.

Hai: Có một kệ nói về hướng đến mong cầu, bởi vì trước đây tuy lìa xa cái thấy mà nhận biết, nhưng hãy còn sợ rằng đắm theo vắng lặng. Nửa kệ trước là khuyến khích mong cầu, câu tiếp lại quán về lìa xa tánh, nghĩa là hiểu rõ tâm hồi hướng vốn tự nhiên không sinh, là lìa xa tướng hồi hướng, lìa xa tướng-mong cầu Phật đạt được tên gọi xứng với quả.

Ba: Có một kệ nói về quán sát chúng sinh cũng đều xứng với Chân, vốn không có sinh-hoại; nhận biết không có chúng sinh, vốn là Đạo Vô thượng. Văn sau kinh nói: Vô thượng Ma-ha-tát, xa lìa tướng chúng sinh.

Bốn: Có một kệ cuối cùng là nhận biết về pháp, tức là nguyên cơ thành tựu pháp hội rộng khắp mọi nơi trước đây. Nửa kệ trước nêu ra Môn, tức là Nhất đa tương dung bất đồng môn trong mười Huyền môn. Tiếp một câu giải thích về nguyên cơ, tức là Duyên khởi tương do môn trong mười loại nguyên cơ, đều như trong phạm vi giới hạn của nghĩa, nghĩa là một và nhiều sinh khởi lẫn nhau. Lại một duyên dựa vào nhiều

duyên mà dấy khởi, thì một duyên là thụ động dấy khởi mà không có lực, nhiều duyên là chủ động dấy khởi cho nên có lực, dùng nhiều duyên có lực có thể thấu nhiếp một duyên, dùng một duyên không có lực mà hòa vào nhiều duyên, cho nên một duyên này luôn luôn ở trong nhiều duyên. Nhiều duyên dựa vào một duyên mà dấy khởi, dựa theo trên có thể biết. Vậy thì nhiều duyên này luôn luôn ở trong một duyên. Bởi vì đều có lực và đều không có lực, tất cả không đi cùng nhau, cho nên không có duyên ấy thì không hòa vào với nhau. Bởi vì một duyên có lực-một duyên không có lực, không trái ngược với nhau, cho nên có duyên này thì luôn luôn hòa vào với nhau. Duyên khởi pháp giới theo Lý (Lý số) kể ra thường như vậy, phù hợp với điều này mà thấy thì có gì phải sợ hãi? Dựa vào duyên khởi này mà thành tựu bình đẳng trước đây, dựa vào bình đẳng trước đây mà thành tựu duyên khởi này, văn lý rất rõ ràng, không thừa nhận sự sợ vô ngại, thì sợ rằng chưa có được tư duy sâu sắc.

Đoạn 2: ánh sáng soi chiếu mười phương đều có mười cõi Phật, là mười quốc độ thứ tự gần bên thế giới Ta-bà.

Mười kệ tổng quát hiển bày về nhân quả của Bồ-đề, phân ba: Một- Có một kệ nói về nhân của Bồ-đề; Hai: Có năm kệ nói về Dụng của quả Bồ-đề; Ba: Có bốn kệ khiến cho chúng sinh suy nghĩ như nhau.

Một: Có một kệ nói về nhân của Bồ-đề: Nửa kệ trước là nói về thụ động mà làm, đó là Vô minh tạo ra nghiệp, Ái có thể tưới nhuần cho nghiệp, vì vậy mà sinh tử vô cùng tận, như gai nhọn trong bùn mà không cảm giác về sự tổn thương ấy, như gai nhọn trong vết thương làm cho vết thương ấy thêm độc hại. Nửa kệ sau là nói về chủ động mà làm, tức là từ Si mà có Ái, Bồ-tát khởi tâm Bi mà không phải là Đại Bồ-đề thì không cách gì có thể trừ diệt, bởi vì không có Bi-Trí này thì không phải là pháp của Phật.

Hai: Trong năm kệ nói về Dụng của quả Bồ-đề: Kệ một: Bi-Trí cùng đầy đủ, Trí thấy rõ các pháp, Bi dùng để chuyển trao, bởi vì thấy tất cả nối thông với tánh tướng. Lìa xa hai bên, nghĩa là Chân vốn không hề có (Hữu), Tục vốn không hề không có (Vô). Chân vốn không hề có, thì tuy không có mà có; Tục vốn không hề không có, thì tuy có mà không có. Tuy có mà không có, thì không vướng vào có; tuy không có mà có, thì không đắm vào không có. Không đắm vào không có, thì chấm dứt kiến chấp về Đoạn; không vướng vào có, thì tiêu tan kiến chấp về Thường. Đi cùng-không đi cùng... do đâu mà có? Các bên đều vắng lặng, cho nên nói là đều lìa xa. Kệ hai: Khen ngợi về nhân hạnh

trước đây. Kệ ba: Lực của Từ làm cho ma quân phải hàng phục. Kệ bốn: Trí-Đoạn dẫn đến Dụng. Kệ năm: Tiếng trống Chánh pháp thức tỉnh căn cơ, văn đều hiển bày rõ ràng.

Ba: Có bốn kệ khiến cho chúng sinh suy nghĩ như nhau: Đây tức là nhân của Phật, có thể thực hành như vậy thì đạt được đạo của chư Phật. Bốn kệ hiển bày về bốn loại hành: Kệ một: Đạo qua quốc độ không hề vướng mắc, nghĩa là không làm hỏng tướng ấy cho nên có thể đạo qua khắp nơi, hiểu rõ tánh Không của quốc độ cho nên không hề vướng mắc đối với có. Kệ hai: Nghĩ đến Phật sinh lòng hoan hỷ, nửa kệ trước là đã nghĩ đến Pháp thân hiển hiện vốn như hư không vĩnh viễn thường còn, không còn vướng mắc về giải thoát như hư không hoàn toàn thanh tịnh; nửa kệ sau là có thể nghĩ đến duy trì ghi nhớ rõ ràng, cho nên hoan hỷ phát sinh đầy đủ hạnh nguyện. Kệ ba: Cứu giúp chúng sinh không còn đau khổ. Kệ bốn: Xem nhẹ thân mạng để bảo vệ Chánh pháp, văn đều có thể biết.

Đoạn 3: ánh sáng soi chiếu một trăm thế giới, trong kệ hiển bày về tám tướng Bồ-đề của Phật.

Mười kệ phân hai: Đầu là một kệ nêu ra đức tròn đầy; sau là chín kệ riêng biệt mở rộng về điều phục chúng sinh.

Đầu là một kệ nêu ra đức tròn đầy, nghĩa là hiểu rõ Tục ngay nơi Chân, bởi vì như huyễn vốn là hư giả; Chân không ngăn ngại Tục, bởi vì thông hiểu về tướng của các pháp. Tánh tướng không ngăn ngại, là thông đạt về Chân; không có hai bên ngăn ngại chấp trước, thì chuyển sang dựa vào tâm thanh tịnh. Vốn là Đồng Thể Đại Bi, điều phục chúng sinh thì ba đức đầy đủ, cho nên có thể thâm nhiếp giáo hóa.

Sau là chín kệ riêng biệt mở rộng về điều phục chúng sinh: Tức là Bi nguyện tự tại điều phục rộng khắp mọi nơi, tuy số lượng vượt quá trần sa, mà sơ lược luận về chín kệ, đều nói là hoặc nhìn thấy. Nhưng có nhiều nghĩa: 1- Hoặc nhiều căn cơ-khác nơi chốn mà đều cảm được nhìn thấy; 2- Hoặc cùng nơi chốn mà đều nhìn thấy; 3- Hoặc khác thời gian mà nhìn thấy khác nhau; 4- Hoặc cùng thời gian mà nhìn thấy khác nhau; 5- Hoặc cùng thời gian-khác nơi chốn mà nhìn thấy; 6- Hoặc cùng nơi chốn-khác thời gian mà nhìn thấy; 7- Hoặc khác thời gian-khác nơi chốn mà nhìn thấy; 8- Hoặc cùng thời gian-cùng nơi chốn mà nhìn thấy; 9- Hoặc một người đối với thời gian-nơi chốn cùng đan xen giống nhau-khác nhau, mà nhìn thấy điều nhìn thấy của nhiều người; 10- Hoặc một người đối với thời gian-nơi chốn đều giống nhau-khác nhau, mà nhìn thấy điều nhìn thấy của tất cả mọi người, bởi vì đây là mắt của tất cả

căn cơ. Nhưng Phật không phân thân, không hề suy nghĩ mà hiện rõ khắp nơi.

Kệ một: Lúc sơ sinh, Thân giống như trăng đêm vàng vạc, gương có thể nhìn thấy; Trí giống như trăng tròn trong mát soi chiếu chúng sinh, cho nên nói là vĩnh viễn thực hiện. Kệ hai: Lúc bước đi bảy bước, hiển bày đầy đủ phẩm đức. Kệ ba: Lúc quay đầu lại nhìn, quán sát phương hướng ngay lúc ấy mỉm cười. Kệ bốn: Lúc Sư tử gầm lên, nói rõ Ngã độc tôn. Kệ năm: Lúc xuất gia, cởi bỏ ràng buộc, tu hạnh vắng lặng. Kệ sáu: Lúc an tọa đạo tràng, chướng ngại không còn-đức hạnh tròn vẹn. Kệ bảy: Lúc chuyển pháp luân, nhờ vào Bi mà hóa độ chúng sinh. Kệ tám: Lúc hiện bày thần thông, điều phục những chúng sinh khó điều phục. Kệ chín: Thị hiện nhập Niết-bàn, không trở ngại Dụng của thần thông. Lại hai câu sau cũng tổng quát kết luận về chín kệ trước, đều là thần thông, đều có ý sâu xa như Hội thứ tám.

Đoạn 4: ánh sáng soi chiếu một ngàn thế giới, trong kệ hiển bày về Thể tánh của Bồ-đề. Mười kệ phân ba: Một: Một kệ nói về Bi-Trí cùng đầy đủ là Thể của Bồ-đề; Hai: Có bốn kệ nói về ba đức bên trong tròn vẹn; Ba: Có năm kệ nói về Dụng của Bi ngay nơi Thể.

Một: Một kệ nói về Bi-Trí, nửa kệ trước là Trí sâu xa, nửa kệ sau là Bi cứu giúp.

Hai: Có bốn kệ nói về ba đức bên trong tròn vẹn:

Kệ một: Ca ngợi về đức của Bồ-đề vĩnh viễn không còn hai Ngã, nghĩa là kiến chấp về hai Ngã nhất định phải dựa vào thân, nay quán sát đối với thân, nếu Ngã tức là Ấm thì Ngã vẫn sinh diệt, nếu Ngã khác với Ấm thì vì sao nhận biết lẫn nhau? Vì vậy chỉ là tình thức hư vọng mà chưa hề tạm có, đã không có Ngã thì cái gì là Ngã sở? Ngã-Ngã sở trống rỗng thì thân từ đâu mà có? Thân mà không có thân là hiển bày về đức của Pháp thân.

Kệ hai: Hiển bày về đức của giải thoát Bát-nhã, kinh Niết Bàn quyển thứ 25 nói: “Tâm vĩnh viễn đoạn diệt tham-sân-si, cho nên tâm khéo léo giải thoát; nhận biết không có chướng ngại đối với tất cả các pháp, cho nên Tuệ khéo léo giải thoát.” Kinh Niết Bàn tóm lược có một trăm lẻ tám câu, dùng để hiển bày về sâu rộng.

Nói về Minh Hạnh, tức là đức của Bát-nhã; nếu giải thích theo Minh Hạnh Túc thì chính là đức của Thiền Tuệ. Luận Du Già quyển thứ 38 nói: “Minh gọi là ba Minh, Hạnh là hai phẩm về các pháp Chỉ-Quán.” Kinh Niết Bàn quyển thứ 16 lại nói: “Minh là ba Minh, một là Minh của Bồ-tát, hai là Minh của Phật, ba là Minh về Vô minh.” Minh

của Bồ-tát, tức là Bát-nhã Ba-la-mật; Minh của Phật, tức là Phật nhãn; Minh về Vô minh, tức là hoàn toàn Không. Nhưng đều là Bát-nhã, khác nhau về nhân-quả, lý-trí mà thôi. Túc có hai nghĩa: 1- Nghĩa về bàn chân (Cước túc) là dựa theo nhân; 2- Nghĩa về tròn đủ (Viên túc) là dựa theo quả. Văn này lược qua không có.

Từ “Vô số...” trở xuống là hiển bày về lìa xa lỗi lầm, bởi vì không phải là Hữu vi. Vô số vượt lên trên phần vị phía dưới, vốn không gì sánh bằng (Vô đẳng) thì lẽ nào là Nhân minh có thể mong cầu hơn được điều ấy? Nhân minh-Lập lượng dựa vào thế tục, phân biệt xác định về có-xác định về không có, cho nên nói là thế gian; nay Thế đoạn tuyệt có-không có, cho nên thế gian không có gì có thể hơn được. Như nói âm thanh của Phật không nhất định là có, cho nên không giống như ngoại đạo thiết lập về Thường; phát sinh từ pháp tánh lìa xa tạo tác, cho nên không giống như Vô thường mà Bồ-tát đã thiết lập. Ba khoa đều như vậy, lẽ nào đem đức của Phật để phân định thuộc về Vô thường hay sao? Các Nhân-Lượng, nghĩa là các Nhân-các Lượng, và ba loại Tỷ lượng như Tự-Tha-Cộng... Tỷ lượng tuy có ba Chi, mà trong năm phần thì Nhân là Lượng chủ yếu, cho nên nói là Nhân Lượng.

Kệ ba: Ca ngợi về đức của Phật siêu tuyệt ba khoa (Uẩn-Giới-Xứ). Uẩn là nghĩa về tích tụ, nói là tướng thuộc quả của hữu vi-sinh tử; Giới là nghĩa về chủng tộc, nói là tướng thuộc nhân của ái trước-sinh tử; Xứ là nghĩa về sinh môn, đó là tướng thuộc duyên trong-ngoài của các Thức, nhưng không lìa xa Sắc-Tâm. Luận Câu Xá nói: “Bởi vì ba loại Ngũ-Căn-Lạc cho nên nói đến Uẩn-Xứ-Giới. Uẩn... có hai: Một là hữu lậu, là pháp thuộc về Trí thế gian, Phật không phải do đây tạo thành; hai là vô lậu, bởi vì Phật không phải không có nhân. Diệt trừ Sắc... Vô thường mà đạt được Sắc... Thường, cho nên Sắc thân vi diệu của Như Lai thường an ổn.”

Kệ bốn: Ca ngợi về đức của Phật vượt lên trên lìa xa Căn-Cảnh, Cảnh-Trí cùng vắng lặng phù hợp với tánh Không, Căn-Trần đều không còn, trong-ngoài đều giải thoát; cũng thường soi chiếu trong-ngoài thoát khỏi Vô tri, Không hãy còn không tồn tại thì Vọng từ đâu đấy khởi?

Lại bốn kệ trên đây, kệ một nói về Pháp thân vốn là Thường, kệ hai nói về không có lỗi lầm vốn là Lạc, kệ ba nói về Trí không thể nào thành tựu mà tự tại gọi là Ngã, kệ bốn nói về giải thoát vốn là Tịnh.

Ba: Trong năm kệ nói về Dụng của Bi ngay nơi Thế: Kệ một: Nói về đức Bất động mà ứng khắp nơi, nửa kệ trước là Bất động, nửa kệ sau là Ứng khắp nơi. Ngã-Ngã sở vĩnh viễn đoạn tuyệt hợp với tánh Bất

động, Trí rộng khắp pháp giới có gì đến-đi? Kệ hai: Nói về đức Động-Tịch không hai, ba câu đầu là hòa vào vắng lặng, một câu sau là dấy khởi tác dụng. Một tướng là biểu thị cho cái gọi là Vô tướng, không hai là ngăn chặn về Thể không thể nào phân biệt. Lại không hai, không phải đối với có mà nói không có, bởi vì quán sát không có trước-sau cho nên tâm không tăng-giảm. Ba Luân giáo hóa nói là Vô lượng thân lực. Kệ ba: Nói về không có nhiễm trước mà hiểu rõ căn cơ. Kệ bốn: Nói về tâm hóa độ bình đẳng. Kệ năm: Nói về không có sinh mà hiện rõ sinh, Trí phù hợp với không phải là có, tâm Bi hiện sinh khắp nơi tùy theo căn cơ mà dẫn dắt, khiến cho trở về Thường Tịch.

Đoạn 5: ánh sáng soi chiếu mười ngàn thế giới, trong kệ trình bày đều là nhân hạnh của Bồ-đề. Văn có mười kệ, đều ba câu phân rõ về Tướng, một câu khuyến khích tu tập, tuy đều là tác nghiệp mà lần lượt chuyển tiếp đến sâu xa vi tế. Tóm lược phân làm năm:

Một: Từ “Đại Bi...” trở xuống là một kệ nói về nghiệp cứu giúp không mong cầu Tự lợi, cho nên nói là vĩnh viễn ra khỏi trời-người.

Hai: Có bốn kệ nói về tu Trí hướng lên trên dựa vào nghiệp: 1- Tín; 2- Lạc; 3- Niệm; 4- Học. Lại kệ một: Tu tập trải qua thời gian dài luôn luôn tin tưởng mà không chuyển đổi. Kệ hai: Sâu nặng thiết tha tu tập, vui với chí nguyện mà không lui sụt, Tuệ thanh lương là bởi vì không có phiền não nóng bức. Kệ ba: Không ngừng tu tập bởi vì không tạm thời gián đoạn. Kệ bốn: Không tu tập pháp khác bởi vì thường xuyên học hỏi khắp nơi.

Ba: Có một kệ nói về bên trong soi chiếu về nghiệp, quán sát Thật tướng của thân, như kinh Tịnh Danh nói về quán sát Phật không đến từ quá khứ... Lại như kinh Pháp Hoa nói về không điên đảo... Phẩm Pháp trong Trung Luận nói: “Thật tướng của các pháp, là đoạn tuyệt tâm hành-ngôn ngữ, không có sinh cũng không có diệt, tịch diệt như Niết bàn.” Tức là nửa kệ trước. Luận lại nói: “Chư Phật có lúc nói về Ngã, có lúc nói về Vô ngã, trong Thật tướng của các pháp, không có Ngã-không có Vô ngã.” Tức là nửa kệ sau. Vả lại, lìa xa Ngã tức là vượt lên trên phạm phu, lìa xa Vô ngã tức là vượt lên trên Nhị thừa, cho nên có thể dùng Bi để cứu giúp. Nhưng mà Ngã-Vô ngã tổng quát có bốn câu phân biệt: 1- Chỉ có Ngã; 2- Chỉ có Vô ngã; 3- Phân rõ cả hai, tức là sinh tử Vô ngã, Niết-bàn Hữu ngã; 4- Không phải cả hai, bởi vì hai loại trước so sánh với nhau làm cho mất đi.

Bốn: Có một kệ bình đẳng quán sát về nghiệp, Đồng Thể Đại Bi cho nên bình đẳng quán sát, thấy được Chân-chấm dứt Vọng, không

khởi lên phân biệt; Vọng không còn-phù hợp với Như, gọi là hòa vào chân thật.

Năm: Ba kệ sau nói về nghiệp thuộc Đại Dụng, kệ đầu nói về Thần tức thông, hai kệ sau nói về Pháp trí thông. Trong đó, kệ trước là nhận biết về quốc độ, quốc độ thuộc Pháp tánh là không phải Sắc, còn lại đều là Sắc, hai loại này dung thông thì đều nhận biết tường tận đích xác; kệ sau là nhận biết về Phật. Lại có mười loại lần lượt chuyển tiếp: Đầu là tâm Bi muốn cứu giúp chúng sinh, nên cứu giúp thế nào? Tin tưởng vui thích gần gũi Phật. Tin tưởng vui thích pháp gì? Tin tưởng vui thích công đức của Phật, bởi vì Phật dùng công đức mà thành tựu thân tướng. Vui thích trống rỗng có ích gì? Nên tu học trong từng niệm. Học theo người khác không bằng tự mình quán sát. Tự mình quán sát không bằng chúng sinh và mình cùng nhau bày tỏ. Tiến vào Chân-đấm theo Tịch, nên phát khởi Đại Dụng. Dụng lấy gì để mô phỏng thích hợp? Tận cùng mười phương thế giới hòa vào biển rộng của chư Phật.

Đoạn 6: Ánh sáng soi chiếu một trăm ngàn thế giới, tức là phần hai giải đáp câu hỏi về uy đức của Phật, bởi vì uy đức vốn dựa theo thân. Văn có mười kệ phân hai: Năm kệ trước nói về Pháp thân, năm kệ sau nói về Trí thân.

Trong năm kệ trước phân hai:

Đầu là một kệ lựa chọn về mê, nghĩa là bởi vì Uy đức thì tự tại hừng hực, Sắc tướng thì đoan nghiêm tốt lành, Chủng tộc thì danh xưng tôn quý. Tuy là Bạc-già (Thế Tôn) mà thấy từ nơi khác đến, cho nên giữ lấy tướng trái ngược với địa vị Tối thắng. Bởi vì cái thấy trái ngược giống như mắt có bệnh, cho nên thấy hoa đốm ở bên ngoài, chấp trong làm ngoài, nói Không là Hữu.

Sau là bốn kệ nêu ra tỏ ngộ để hiển bày về pháp Tối thắng:

Kệ một: Trình bày về Sắc tướng của Như Lai là vô biên, cho nên khởi lên tình thức không lường được. Vô biên có hai nghĩa: 1- Sâu xa, cho nên tùy theo mỗi một tướng phù hợp với Chân vô biên; 2- Rộng lớn, cho nên đầy đủ tướng như trần số của mười Liên Hoa Tạng.

Kệ hai: Giải thích về hai nghĩa trên, nửa kệ trước giải thích về sâu xa, bởi vì tướng tức là Vô tướng; nửa kệ sau giải thích về rộng lớn, bởi vì Vô tướng là tướng. Rộng lớn lại có hai nghĩa: 1- Do vô hạn nhân mà thành tựu. 2- Ứng với căn cơ mà hiện bày khắp nơi, nghĩa là Sắc mà không có Sắc nhất định, giống như đỏ tím (chu tử) hợp lại từ Kim Cang; Hình mà không có Hình nhất định, giống như dài ngắn tùy theo ánh sáng và hình ảnh; Tướng mà không có Tướng nhất định, tựa như đẹp

xấu hướng về gương sáng, cho nên tùy theo ưa thích đều thấy.

Kệ ba: Trình bày về pháp đã chứng vượt lên trên tình thức, để thành tựu nghĩa trước. Nửa kệ trước là chính thức hiển bày, nghĩa là muốn nói pháp ấy có thì Thể tướng tịch diệt, muốn nói pháp ấy không có thì Sắc tướng vô biên, bật dứt ngôn từ mà hiển bày vi diệu thì chỉ có Trí mới phù hợp, tâm suy nghĩ không thể lường tính bởi vì Lý tròn vẹn mà lời thiên lệch, cho nên ngôn thuyết không đạt tới được. Nửa kệ sau là trở lại giải thích, nghĩa là ứng với duyên thì tất cả đều hòa hợp, trú vào Thể thì không phải hòa hợp. Lại duyên khởi do tu mà thành tựu thì tất cả đều hòa hợp, hợp với Chân thì tướng hết mà không phải hòa hợp. Lại duyên tức là không phải duyên cho nên không phải hòa hợp, không phải duyên tức là duyên cho nên tất cả đều hòa hợp. Lìa xa tướng hòa hợp cho nên không có các tướng, không phải hòa hợp cũng lìa xa cho nên Thể vắng lặng.

Kệ bốn: Trình bày về người siêu tuyệt có năng lực chứng được, kết luận quy về thân Phật.

Trên đây, nói đến Thể tánh vắng lặng là loại trừ về có, thân tướng đầy đủ là loại trừ về không có, không phải hòa hợp và không hòa hợp là loại trừ về có và không có, mà lại nói Phật là không phải có-không phải không có, cũng trở thành hý luận. Trung Luận nói: “Hý luận phá hỏng mất Tuệ thì đều không thấy Phật, cho nên tiếp theo loại trừ hý luận.” Nghĩa là phiền não hư vọng không sinh bởi vì không phải Uẩn tụ, khởi tâm thì sinh liền trở thành hý luận. Quyết định thấy, là không tùy theo tướng của cảnh, gọi là lực tự tại. Có và không có không thể nào liên lụy đến thân thức, cho nên không sợ hãi. Không phải nơi chốn của ngôn hành bởi vì đoạn tuyệt lộ trình của ngôn ngữ.

Trong năm kệ sau nói về Trí thân:

Đây là một kệ về Trí nhận biết giải thoát, nghĩa là thân bên ngoài không phải nghiệp ràng buộc, tâm bên trong không có chấp trước, bởi vì đều giải thoát, luôn luôn phù hợp giống như lý, cho nên nói là Chánh niệm. Lại bên trong thoát khỏi hai chướng, bên ngoài hoạt dụng không có gì ràng buộc. Đây là trình bày về tự tại.

Sau là bốn kệ nói về Đại Dụng tự tại, lần lượt chuyển tiếp để giải thích lẫn nhau.

Kệ một: Dùng Trí vắng lặng soi chiếu làm lợi ích chúng sinh, ý thanh tịnh vắng lặng, ánh sáng soi chiếu rõ ràng, thanh tịnh bởi vì không có đấm trước, sáng ngời bởi vì Trí rộng khắp, cho nên có thể làm nhiều Phật sự.

Kệ hai: Làm thế nào để lợi ích chúng sinh? Đó là Trí biến hóa tự tại. Nửa kệ trước là một-nhiều vô ngại, nửa kệ sau là tùy theo căn cơ mà hiện bày khắp nơi.

Kệ ba: Trình bày về nơi bắt đầu của một-nhiều, dùng Trí vô sinh tùy theo chúng sinh mà cảm đến, nghĩa là một thân-nhiều thân chỉ do tâm phân biệt của chúng sinh mà khởi lên, không có tích chứa-không biết từ đâu, điều ấy giống như ngàn cái chấu cùng xếp gần nhau trong mấy bước chân mà ngàn ánh trăng không giống nhau, một dòng sông trong veo dài vạn dặm mà chỉ một vầng trăng chiếu rọi. Tình ngăn cách thì Pháp thân trở thành khác nhau, tâm thông suốt mà Huyền chỉ chắc chắn như nhau, Tự-Tha nào can hệ gì đối với Phật.

Kệ bốn: Lại lướt qua dấu tích trước đây, nghĩa là ngay nơi vật dụng phân biệt trước đây cũng không hề có, thì thân hư vọng nhìn thấy lẽ nào là có thể đạt được? Pháp này là do Phật đã nhận biết, nên dựa vào lý này mà thấy Phật. Hai câu sau cuối này bao gồm tất cả để kết luận những phần trên.

Đoạn 7: ánh sáng soi chiếu trăm vạn thế giới trong mười phương, bốn đoạn dưới đây tức là phần ba giải đáp câu hỏi về pháp tánh. Phật dùng công đức để làm pháp tánh, cũng phân làm bốn: Một-Tổng quát hiển bày về đức thâm nhiếp bao gồm trong ngoài; hai-Đức thuộc phương tiện có thể đảm nhận; ba-Đức thuộc Đại Bi thâm nhiếp cứu giúp; bốn-Đức thuộc nhân quả tròn vẹn tất cả.

Tổng quát hiển bày về đức thâm nhiếp bao gồm trong ngoài, trong phần kệ phân hai: Năm kệ trước ca ngợi về pháp Phật khó nghĩ bàn; năm kệ sau nêu ra phương tiện để tiến vào.

Trong năm kệ trước phân ba: Đầu là ba kệ thẳng thắn dựa vào Phật để trình bày; tiếp là một kệ hướng về căn cơ để phân rõ; sau là một kệ dựa theo pháp để trình bày.

Đầu là ba kệ thẳng thắn dựa vào Phật để trình bày: Câu 1- Sở duyên và Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, bởi vì ở trong Sở duyên đã nhận biết, Trí vô ngại tự tại mà chuyển. Câu 2- Sở y thanh tịnh, bởi vì tập khí phiền não vĩnh viễn không sót lại gì. Câu 3- Nhất thiết chủng tâm thanh tịnh, bởi vì tất cả thiện căn đều tích tập. Câu 4- Vốn đầy đủ Đại Bi. Câu 5- Không có tạp nhiễm của lo buồn-mừng vui, bởi vì an trú trong Xả, cho nên không có gì vướng mắc. Câu 6- Ý tưởng xấu ác đều đoạn tuyệt, bởi vì không dựa vào danh tiếng-lợi dưỡng. Câu 7 và 8- Thể tuy không lường tính được mà đầy đủ tướng tốt, cho nên ca ngợi. Câu 9- Ánh sáng của Trí giác ngộ khắp nơi lìa xa điên đảo gọi là thanh tịnh,

ánh sáng của Thân có thể biết. Câu 10- Vĩnh viễn làm hại đến tập khí. Câu 11- Trú trong Chánh niệm cho nên lia xa hai bên, luôn luôn ghi nhớ rõ ràng cho nên không lay động, cũng là thành tựu về pháp đã quán sát do ánh sáng của Trí bậc Thượng. Lại một kệ này tức là nói đến bốn Vô sở úy, ánh sáng tức là Chánh giác, thanh tịnh tức là ra khỏi khổ, trừ sạch hệ lụy-không còn phiền não và chướng đạo, đều là nói đến Vô úy. Bất động tức là nghĩa của Vô úy, bởi vì chướng nạn bên ngoài không thể nào làm cho nghiêng ngã, không rơi vào hai bên thắng-bại, là Trí vô úy.

Tiếp là trong một kệ hướng về căn cơ để phân rõ: Thân tâm lia xa phân biệt, hàm chứa hai ý: 1- Dựa theo Phật, dùng ba nghiệp tùy theo Trí tuệ mà thực hành bình đẳng; 2- Dựa theo căn cơ, tức là nhận biết về công đức nói trên, mà có thể khiến cho thân tâm không còn phân biệt, là đạt được lợi ích không nghi ngờ gì-không vướng mắc gì.

Sau là một kệ dựa theo pháp để trình bày: Tuy chuyển khắp pháp giới, mà Vô tánh tịch diệt vốn không hề chuyển, dựa vào ngôn từ diễn giải gọi là phương tiện thuyết giảng, Trí có thể chuyển ấy tức là Trí thuộc Thập Lực.

Trong năm kệ sau nêu ra phương tiện để tiến vào: Trên đây là nói về Phật không lia xa công đức Bồ-đề. Pháp đã thuyết giảng trên đây, không tách rời giáo nghĩa, theo thứ tự khiến cho tiến vào.

Kệ một: Khiến cho nghĩ đến Bồ-đề, câu đầu là khéo léo quyết định về tánh tướng, tiếp hai câu là phù hợp với lý mà bật dứt ý tưởng, bởi vì sinh ra ý tưởng phân biệt tức là hý luận, đầy đủ hai nghĩa này là nghĩ đến Bồ-đề. Vì vậy kinh Đại Bát Nhã nói: “Hiểu rõ tự tánh của pháp, lia xa các phân biệt, giống như Bồ-đề.” Lại tâm bật dứt dao động, lời không còn hý luận. Lại luận Du Già quyển thứ 95 có sáu loại hý luận, cho nên gọi là các loại (Chư).

Kệ hai: Tùy thuận giáo pháp, hai câu trước là hiểu rõ pháp không còn ngôn từ, câu tiếp là đạt được tôn chỉ mới gọi là tùy thuận.

Kệ ba: Hòa vào công đức của Phật, hai câu trước là cùng giữ lại bởi vì một-nhiều khác nhau, câu tiếp là cùng phai mờ bởi vì so sánh với nhau làm cho mất đi. Một dựa vào nhiều mà có, trong nhiều thuận theo có một; nhiều dựa vào một mà có, trong một thuận theo có nhiều. Nay trong nhiều không có một, một không biết từ đâu mà có; trong một không có nhiều, nhiều không biết từ đâu mà có, vì vậy cả hai đều rời bỏ. Mà tánh tướng dung thông, hòa vào một tức là hòa vào nhiều, gọi là hòa vào tất cả.

Nhưng một-nhiều dựa vào nhau, làm gốc ngọn lẫn nhau, tổng quát có bốn nghĩa:

1) Nghĩa về tác thành lẫn nhau, là một-nhiều cùng thiết lập, bởi vì duy trì lẫn nhau, có lực đều tồn tại, tức là ý của hai câu đầu.

2) Nghĩa về tổn hại lẫn nhau, là so sánh làm cho mất đi, cả hai đều không còn, bởi vì dựa vào nhau mà đều vô tánh, tức là cả hai đều rời bỏ.

3) Nghĩa về tồn tại lẫn nhau, bởi vì pháp này duy trì pháp kia, không hủy hoại pháp kia mà thuộc về pháp này; pháp kia duy trì pháp này cũng như vậy, cho nên văn trước đây nói: Trong một pháp hiểu rõ vô lượng pháp...

4) Nghĩa về phai mờ lẫn nhau, bởi vì pháp này duy trì pháp kia, tướng của pháp kia không còn mà chỉ có pháp này; bởi vì pháp kia duy trì pháp này, tướng của pháp này không còn mà chỉ có pháp kia. Vì vậy văn sau nói: Biết một ngay nơi nhiều, nhiều lại ngay nơi một. Các văn đều dựa vào một nghĩa, cho nên không trái với nhau.

Lại tổng quát thu nhận mà làm thành mười nghĩa: 1- Một mình tách ra đứng đờn độc; 2- Cùng hiện rõ trong một lúc; 3- Hai tướng đều không còn; 4- Tự tại không ngăn ngại; 5- Đi và đến không lay động; 6- Không có lực duy trì lẫn nhau; 7- Đôi bên không biết lẫn nhau; 8- Lực dụng qua lại xuyên suốt; 9- Tự tánh không phải là có; 10- Hoàn toàn lia xa ngôn từ.

Kệ bốn: Hòa vào Bồ-đề của Phật, Y-Chánh đều vắng lặng, cho nên không có chỗ dựa; Trí phù hợp với điều này, cho nên không có phân biệt.

Kệ năm: Nhận biết về nghĩa của pháp, trình bày về chúng sinh-quốc độ đều vắng lặng không thể nói là khác, Y-Chánh đều khác nhau không thể nói là một.

Đoạn 8: ánh sáng soi chiếu một ức thế giới, trước đây nói là trăm vạn, nay gấp mười lần so với trước, tức là một ngàn vạn làm một ức. Mười kệ ca ngợi phương tiện có thể đảm nhận, Quyền-Thật song hành của Phật. Nhưng nói đến phương tiện, sơ lược có ba ý: 1- Dùng lực phương tiện của mười loại gia hạnh trong nhân, tu tập thành tựu đức tự tại của quả Phật; 2- Nhưng mà Dụng sai biệt đều gọi là phương tiện, bởi vì Tuệ vô ngại ấy không có bao nhiêu; 3- Quyền khởi Dụng tự tại ngay nơi Thật, cho nên gọi là phương tiện. Nay văn đầy đủ ba ý, đều có ba câu phân rõ về tướng, một câu kết luận về tên gọi.

Kệ một: Ngay nơi Thể khởi Dụng làm phương tiện, nhưng có sáu

nghĩa: 1- Trí vượt lên trên phần vị phía dưới; 2- Chứng pháp vô biên; 3- Thoát khỏi biển rộng của sinh tử (Hữu); 4- Đầy đủ ba nghĩa trên mà đến bờ Niết-bàn; 5- Thọ mạng bao gồm Chân-Ứng; 6- Ánh sáng nơi Thân không có giới hạn, đều là công đức của Phật.

Kệ hai: Ca ngợi về phương tiện vắng lặng-soi chiếu, câu một là soi chiếu về không gian, câu hai là soi chiếu tận cùng về thời gian, câu ba tức là vắng lặng-soi chiếu mà không suy nghĩ gì, cho nên khó nghĩ bàn.

Kệ ba: Ca ngợi về phương tiện thuộc Sự-Lý vô ngại của Phật, câu một-câu hai là có và không có vô ngại, câu ba là Định-Tán vô ngại.

Kệ bốn: Ca ngợi về phương tiện tu-vô tu của Phật, câu một là khéo léo cùng tận về tánh tướng, câu hai là vô niệm chịu khó tu vui với giải thoát, là giải thích về tu Niết-bàn. Lìa xa không bình đẳng, là giải thích về Chánh niệm trước đây, bởi vì không thấy sinh tử là tạp nhiễm, Niết-bàn là thanh tịnh. Hai loại này không sai biệt là tịch diệt chân thật.

Kệ năm: Ca ngợi về phương tiện hồi hướng, câu một-câu hai là hướng đến tiến vào pháp giới, là hồi hướng Thật tế, còn lại đều hồi hướng Bồ-đề; câu ba là hồi hướng Chúng sinh, trú vào Như để giáo hóa chúng sinh vốn là phương tiện.

Kệ sáu: Phương tiện chứng biết, câu một là tùy thuận chứng nhập, câu hai là nhận biết mà không có chướng ngại, câu ba là nhận biết về hành hướng đến khắp nơi, tức là pháp lợi ích chúng sinh, đã nhận biết liền chứng là tu tập tự tại.

Kệ bảy: Phương tiện Tịch-Dụng, câu một nói về Tịch, câu hai nói về Dụng, câu ba nói về Tịch-Dụng vô ngại, là Niết-bàn Vô trú, phàm phu-Tiểu thừa khó đến được.

Kệ tám: Phương tiện theo số lượng-thời gian, có thể biết.

Kệ chín: Phương tiện khó nghĩ bàn, câu một là hiểu rõ về sinh diệt, một kỳ hạn trong sát-na thấy đều nhận biết rõ ràng. Tiếp theo mười một chữ là hiểu rõ về tướng, tức là Thể của chúng sinh, không ra ngoài chín Địa thuộc ba cõi. Hai cõi sau là Sắc, cõi Vô sắc là Phi sắc, tám Địa thuộc hai cõi đều gọi là Tướng. Vô Tướng Thiên là Phi tướng, Hữu Đảnh là Phi tướng phi phi tướng. Đều nhận biết rõ ràng, là có thể hiểu rõ-bao gồm hiểu rõ về tánh ấy tức là Vô sinh. Đây là cảnh giới vô biên cho nên khó nghĩ bàn. Hai kệ trên đây chỉ hiểu rõ về sai biệt, tức là phương tiện.

Kệ mười: Phương tiện không gì sánh được, hai câu đầu nhận biết về tướng, câu trước là cùng tận theo chiều dọc, câu sau là thâm nhiếp

theo chiều ngang. Câu ba là nhận biết về tánh, hai loại này vốn không hai, không gì sánh được tức là phương tiện.

Đoạn 9: ánh sáng soi chiếu mười ức thế giới, ca ngợi về đức thuộc Đại Bi cứu giúp chúng sinh của Phật. Mười kệ phần nhiều dùng câu thứ tư để kết luận, trong đó phân ba: Đầu là một kệ tổng quát nêu ra biển Hạnh đã tròn vẹn mà có thể giáo hóa tất cả; tiếp là tám kệ riêng biệt hiển bày về chủng loại giáo hóa không giống nhau; sau cuối là một kệ tổng quát kết luận về Bi-Trí rộng khắp mọi nơi.

Trong một kệ đầu: Câu một là tu tập không sót lại gì, rộng nghĩa là nhận chịu tất cả, lớn nghĩa là khổ đau vô cùng. Câu hai là trải qua thời gian dài không gián đoạn. Câu ba là công hạnh đã tròn vẹn, bởi vì hạng vô cùng tệ ác khó hóa độ đã có thể hóa độ. Vì sao có thể hóa độ? Đó là Sư tử gầm lên. Sư tử gầm lên, gọi là quyết định thuyết giảng. Quyết định thuyết giảng về tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, hóa độ Nhất xiển-đề. Quyết định thuyết giảng về Vô ngã, hóa độ các ngoại đạo. Quyết định thuyết giảng về Dục-Khổ và Bất tịnh, để hóa độ ma Ba-tuần. Quyết định thuyết giảng về Thường-Lạc-Ngã-Tịnh của Như Lai, để hóa độ Thanh văn. Quyết định thuyết giảng về Đại Bi, để hóa độ Duyên giác. Quyết định thuyết giảng về Đại Trí vô ngại của Như Lai, để hóa độ Bồ-tát. Vì vậy nói là hóa độ tất cả chúng sinh.

Trong tám kệ tiếp là riêng biệt hiển bày vì sao hóa độ tất cả?

Kệ một: Hóa độ chúng sinh Si-Ái, nửa kệ trước là chúng sinh đã cứu giúp. Như người rơi xuống biển, có năm sự việc khó thoát khỏi: 1- Nước sâu; 2- Sóng dòn; 3- Mê tối; 4- Thủy trùng giữ lấy; 5- Lo sợ bức bách mất hết sức lực. Chúng sinh lưu chuyển giữa biển Dục cũng như vậy. Trong này, Ái có hai nghĩa: 1- Điều đã có được không hề thỏa mãn, sâu rộng như biển; 2- Đối với điều chưa có được, không hề đầy đủ như dòng chảy. Si cũng có hai nghĩa: 1- Mê mờ không thấy lỗi lầm; 2- Vọng thấy mình có đức, kết thành mạng lưới tự trói buộc. Năm sự việc trước đây do Si-Ái mà dẫn đến buồn lo khổ sở vô cùng. Câu ba nêu ra công hạnh mà Cổ Phật đã thực hành, quên thân vì chúng sinh cho nên nói là vì người mà đến (Chí nhân). Câu bốn là lập nên thệ nguyện sẽ thực hiện.

Kệ hai: Hóa độ chúng sinh đắm theo Dục, nửa kệ trước là chúng sinh đã cứu giúp. Phóng dật là duyên đắm theo Dục, đắm theo năm dục là Sự thuộc về Dục, không thật sự phân biệt là nhân của Dục, nhận chịu các nỗi khổ là quả của Dục. Chưa có được đã mất đều nhận chịu nhiều đau khổ, đang có được cũng đau khổ mà bất ngờ sinh ra ý tưởng vui

sướng, ví như là nhận chịu khổ đau trong ba nẻo, cho nên nói là các nỗi khổ. Câu ba là tiếp nhận giáo pháp tự mình tu tập. Câu bốn là lập nên thế nguyện mà chuyển hóa.

Kệ ba: Cứu giúp chúng sinh đắm theo Ngã, nửa kệ trước là chúng sinh đã cứu giúp. Đắm theo Ngã làm nhân mà nhận chịu quả của sinh tử, chưa chứng Vô ngã thì mê mờ không có giới hạn. Câu ba là phương tiện cứu giúp, nói về hai vô ngã chỉ riêng Phật mới có.

Kệ bốn: Cứu giúp chúng sinh nẻo ác, ba câu trước là chúng sinh đã cứu giúp. Nghĩa là không có thiện nào có thể nhờ cậy, hiển bày chỉ có nghiệp ác và căn bệnh phiền não là nhân dẫn đến ba nẻo ác, lần lượt chuyển tiếp lại khởi lên lỗi lầm của ba độc, vì vậy nhân quả đều đốt cháy. Câu bốn là phương tiện cứu giúp, chỉ làm cho tâm ấy thanh tịnh thì nhân không còn-quả mất đi.

Kệ năm: Cứu giúp chúng sinh tà kiến, nửa kệ trước là chúng sinh đã cứu giúp. Câu một là trình bày bởi vì mê mờ bốn Chân đế, cho nên nghi hoặc đối với cảnh hiện tại; câu hai là khởi lên kiến chấp, tà kiến che mờ lý lẽ, liền trở thành căn nhà tối tăm. Nửa kệ sau là phương tiện có thể cứu giúp.

Kệ sáu: Cứu giúp chúng sinh đắm theo cõi (Hữu), nửa kệ trước là chúng sinh đã cứu giúp. Ba cõi sâu rộng tổng quát dụ cho biển, trôi dạt đến cõi trời-người, trở lại chìm vào nẻo ác. Chưa gặp được Như Lai, phần nhiều trở thành nơi hoạn nạn khó khăn. Mong cầu không dứt, cho nên gọi là buồn khổ. Chưa có đối trị, cho nên không có bến bờ. Có đủ các lỗi lầm trên đây, cho nên không có thể sinh sống. Nửa kệ sau là có thể cứu giúp, có thể biết.

Kệ bảy: Cứu giúp chúng sinh Vô minh, nửa kệ trước là chúng sinh đã cứu giúp. Bởi vì vốn trú trong Vô minh, cho nên không thấy nguồn gốc của Vô trú, mê mờ về Lý-nghi hoặc về Sự mà điên cuồng chạy mãi ở trong sinh tử. Nửa kệ sau là có thể cứu giúp, Phật đã trao truyền giáo pháp, Chánh niệm thì lên cao.

Kệ tám: Cứu giúp chúng sinh nơi đường hiểm, nửa kệ trước là chúng sinh đã cứu giúp. Báo của trời-người không an toàn, sắp rơi vào nẻo ác, gọi là đường hiểm. Nửa kệ sau là có thể cứu giúp, có thể biết.

Sau cuối là một kệ tổng quát kết luận, nửa kệ trước là kết luận về có Trí thuộc Giáo Chứng, có thể dẫn dắt Bi thuộc Vô Duyên. Câu ba là kết luận về có Bi thuộc Đồng Thể, có thể khắp nơi sáu đường trong mười phương. Câu bốn là kết luận về chúng sinh đã cứu giúp, không vượt qua những hạng chúng sinh mê muội.

Đoạn 10: ánh sáng soi chiếu mười phương, tổng quát kết luận về Vô tận.

Phần trường hàng phân hai: Trước là trình bày về số lượng thế giới, tóm lược có mười bảy thế giới dần dần cùng tận pháp giới; sau là trình bày về tất cả các thế giới ấy đều hiện rõ.

Phần kệ tụng có mười kệ trình bày về đức thuộc nhân quả tròn vẹn tất cả, trong đó phân hai: Bốn kệ đầu nêu ra nhân quả rộng khắp của Phật mà thuyết giảng; sáu kệ sau là khuyến khích chúng sinh thuận theo thực hành.

Trong bốn kệ đầu:

Một kệ đầu là nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, làm sáng tỏ về có nhân thuyết giảng, ba câu đầu nói về nhân tròn vẹn của Tam Đạt, một câu sau nói về quả đầy đủ của Thập Lực.

Một kệ tiếp là Đại Dụng bên ngoài nổi bật, chính thức trình bày về thuyết pháp rộng khắp mọi nơi, có thể biết.

Hai kệ sau là đối với nhân để phân rõ về quả: Một kệ trước nói về nhân rộng khắp, câu đầu là nhân, ba câu sau đều là quả. Pháp cúng dường Phật cho nên đối với pháp thuận theo nhận biết, vì tất cả chúng sinh cho nên có thể hoạt dụng rộng khắp, đây chính là Đẳng Lưu mà gọi là quả Tương Tự. Bản kinh đời Tấn nói: “Chánh tâm cúng dường, rõ ràng là pháp cúng dường. Một kệ sau nói về nhân sâu xa cho nên có thể nhanh chóng chứng quả, hai câu đầu là Tự lợi thuộc sáu Độ, nghĩa là cúng dường Phật là Thí, ý nhu hòa gồm đủ là Giới, từ đầu đến cuối là Tinh tiến; câu tiếp là Lợi tha bao gồm phương tiện..., hai hạnh đã tròn vẹn thì quả Phật chỉ trong sớm chiều, cho nên nói là nhanh chóng thành tựu.

Sáu kệ sau là khuyến khích chúng sinh thuận theo thực hành, Phật xưa thực hành như vậy, nay đạt được quả, thuyết pháp khiến cho chúng sinh thực hành, cũng đạt được quả này. Trong đó: Kệ một nói về hạnh cầu pháp; kệ hai nói về hạnh thuyết pháp; kệ ba nói về hạnh nghe pháp; kệ bốn-năm-sáu nói về hạnh phá tướng.

Kệ một nói về hạnh cầu pháp: Câu một là lìa xa lỗi lầm, danh lợi hơn hẳn người khác gọi là tình thức đặc biệt. Tiếp hai câu hiển bày về đức, một câu nói về Phước đầy đủ, một câu nói về Trí tròn vẹn. Lại không có gì khác nhau, là đối với tất cả các pháp đều không có gì mong cầu, mong cầu như vậy thì thấy được Pháp thân chân thật.

Kệ hai nói về hạnh thuyết pháp: Nửa kệ trước nói về thuyết pháp làm lợi ích cho chúng sinh. Nghĩa lợi, là làm cho chúng sinh nhất định

lìa xa điều ác-thâu nhiếp điều thiện, lợi ích cho đời này-đời khác, lợi ích cho thế gian-xuất thế gian, lợi ích về phước đức-trí tuệ. Bốn cặp trên đây đều trước là Nghĩa-sau là Lợi. Nửa kệ sau là dường như không có thuyết giảng-không có nêu ra, giống như Phật thuyết giảng.

Kệ ba nói về hạnh nghe pháp bao gồm hiển bày về Thể của Pháp luân: Câu một nói về giáo pháp. Câu hai là ngay nơi giáo pháp thành tựu về hạnh, không có một văn-một pháp nào không phải là nhân của Bồ-đề, lẽ nào chỉ có ba mươi bảy phẩm hay sao? Câu ba là tỏ ngộ về Lý, chọn bỏ tùy theo văn. Câu bốn là Lý không có phế-hưng, cho nên thường thấy quả Phật.

Trong ba kệ nói về hạnh pháp tướng: Kệ bốn là chính thức trình bày, kệ năm-sáu là chuyển sang giải thích.

Kệ bốn chính thức trình bày: Ba câu đầu là hiển bày ngược lại, thân sắc vàng ròng rực rỡ trước mắt mà không phải hình tướng, lẽ nào có thể dùng tướng để giữ lấy? Câu sau là chính thức hiển bày về pháp tánh vượt lên trên nghe-nhìn, chỉ có thể rỗng rang tâm ý mà mong cầu.

Kệ năm-sáu là chuyển sang giải thích: Vì sao không thấy?

Kệ trước lấy Vọng dụ cho Chân, phiền não hư vọng của chúng sinh hãy còn không thể cùng tận, chư Phật phù hợp với Chân thì thấy được tất cả như thế nào?

Kệ sau lại chuyển sang giải thích rằng: Tuy khắp nơi mười phương mà không thể nào nhất định giữ lấy, như quốc độ khắp nơi hư không vốn có bốn nghĩa: 1- Nhiều quốc độ đầy khắp hư không; 2- Thể không có đến và đi; 3- Không trở ngại gì thành và hoại; 4- Không có chỗ dựa riêng biệt. Thân Phật khắp nơi hư không, cũng đầy đủ bốn nghĩa: 1- Lập tức khắp nơi nhiều quốc độ; 2- Luôn luôn không có đến đi; 3- Thuận theo mà có ẩn hiện; 4- Thể và Dụng không có nương tựa. Vì thế cho nên thân Phật cũng không thể dùng hư không khắp nơi mà giữ lấy.

Ba phẩm trên đây giải đáp mười câu hỏi thứ nhất về quả đã dựa vào, xong.

